

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: **2157/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 26 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Duy tu, sửa chữa, cải tạo khu nội trú Trường Trung học cơ sở Dân tộc bán
trú Thanh Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT- BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4899/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt dự toán, danh mục mua sắm trang thiết bị, đồ dùng và dự toán duy tu, sửa chữa, cải tạo các trường phổ thông dân tộc bán trú thuộc Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3015/SXD - HĐXD ngày 09/6/2017, kèm theo hồ sơ thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Duy tu, sửa chữa, cải tạo khu nội trú Trường Trung học cơ sở Dân tộc bán trú (THCS DTBT) Thanh Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Duy tu, sửa chữa, cải tạo khu nội trú Trường THCS DTBT Thanh Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Duy tu, sửa chữa, cải tạo khu nội trú Trường THCS DTBT Thanh Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa .

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Khuôn viên Trường THCS DTBT Thanh Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

5. Quy mô đầu tư:

- Hiện trạng: Toàn bộ lớp vôi vè trong và ngoài nhà bị thấm mốc, bong tróc; một số vị trí vữa trát bị bong tróc, nứt vỡ (khoảng 30%); toàn bộ phần sê nô mái bị thấm, dột; toàn bộ phần cửa đi, cửa sổ, hoa sắt cửa sổ còn sử dụng được nhưng bong tróc sơn.

- Giải pháp sửa chữa, cải tạo: Cạo bỏ và trát lại các vị trí bong tróc (khoảng 30%) toàn bộ tường, trần trong và ngoài nhà; cạo bỏ lớp vôi vè cũ (70%) và quét sơn 3 nước toàn bộ tường, trần nhà; vệ sinh và sơn lại toàn bộ cửa đi, cửa sổ, hoa sắt cửa sổ, lắp đặt lại theo hiện trạng; chống thấm sê nô mái. Phòng bếp: Xây mới kệ bếp, bổ sung 02 bộ cửa sổ nhựa lõi thép, hoa sắt cửa sổ.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 3015/SXD- HĐXD ngày 09/6/2017)

6. Tổng mức đầu tư: 399.104.000 đồng (Bằng chữ: *Ba trăm chín mươi chín triệu, một trăm linh bốn nghìn đồng*).

Trong đó:

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 314.777.000 đồng. |
| - Chi phí QLDA: | 9.391.801 đồng. |
| - Chi phí tư vấn ĐTXDCT: | 42.706.977 đồng. |
| - Chi phí khác: | 24.402.729 đồng. |
| - Chi phí dự phòng: | 7.825.570 đồng. |

(Chi tiết tổng mức đầu tư có phụ lục kèm theo).

7. Nguồn vốn: Nguồn kinh phí Trung ương bổ sung theo mục tiêu năm 2016; nguồn sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2016.

8. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo (chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

2. Các ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được giao, chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, đơn vị; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

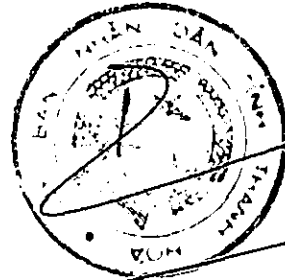
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Sở Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
- PCVP UBND tỉnh Phạm Đình Minh;
- Lưu:VT, VX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Công trình: Duy tu, sửa chữa, cải tạo khu nội trú Trường THCS DTBT
Thanh Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
 (Kèm theo Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 26 /6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G _{XD}		314.777.000
	Cải tạo, sửa chữa khu nội trú		Theo bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng	314.777.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G _{QLDA}	3,282% $\times$ (G _{XD}) Trước VAT	9.391.801
III	CHI PHÍ TVẾT XÂY DỰNG	G _{TV}	1 + ... + 7	42.706.977
1	Chi phí khảo sát		Theo Quyết định số 280/QĐ-SGDĐT ngày 05/4/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo	7.549.992
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật		6,5% $\times$ (G _{XD}) Trước VAT	20.460.505
3	Chi phí thẩm định thiết kế		0,165% $\times$ (G _{XD}) Trước VAT	472.166
4	Chi phí thẩm định dự toán		0,16% $\times$ (G _{XD}) Trước VAT	457.857
5	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT xây lắp		0,432% $\times$ (G _{XD}) Trước VAT	1.359.837
6	Tư vấn giám sát thi công xây dựng		3,285% $\times$ (G _{XD}) Trước VAT	10.340.424
7	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư		20% $\times$ G _{QLDA}	2.066.196
IV	CHI PHÍ KHÁC	G _K	1 + ... + 6	24.402.729
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)		Theo Văn bản số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013	5.000.000
2	Lệ phí thẩm định BCKTKT		0,019% $\times$ TMĐT	75.830
3	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp		Mức tối thiểu	2.000.000
4	Chi phí bảo hiểm công trình		0,8% $\times$ (G _{XD}) Trước VAT	2.518.216
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		0,95% $\times$ TMĐT	3.791.488
6	Chi phí hạng mục chung		6.1 + 6.2	11.017.195
6.1	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và Điều hành thi công		1% $\times$ (G _{XD}) Trước VAT	3.147.770
6.2	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		2,5% $\times$ (G _{XD}) Trước VAT	7.869.425
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	G _{DP}		7.825.570
	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh		(G _{XD} + G _{TV} + G _{QLDA} + G _K) $\times$ 2%	7.825.570
	TỔNG CỘNG:	G _{TMĐT}	G _{XD} + G _{QLDA} + G _{TV} + G _K + G _{DP}	399.104.077
	LÀM TRÒN			399.104.000